UBND TỈNH BẮC KẠN **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1740 /SNN-CCTL V/v báo cáo kết quả rà soát, cập nhật phương án ứng phó với thiên tai năm 2021	*Bắc Kạn, ngày 13 tháng 8 năm 2021*

TỔNG CỤC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 5781
Ngày 23 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Văn phòng Thường trực BCĐ Trung ương về phòng, chống thiên tai

Thực hiện Văn bản số 313/VPTT ngày 30/6/2021 của Văn phòng Thường trực BCĐ Trung ương về phòng, chống thiên tai về việc rà soát, cập nhật phương án ứng phó với thiên tai; Chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Bắc Kạn tại Văn bản số 4395/BCH-NNTNMT ngày 16/7/202 về việc thực hiện Văn bản số 313/VPTT ngày 30/6/2021 của Văn phòng Thường trực BCĐ Trung ương về phòng, chống thiên tai. Sau khi phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan rà soát, tổng hợp, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Kạn báo cáo số liệu cập nhật phương án ứng phó với thiên tai theo mẫu thống nhất của Văn phòng Thường trực BCĐ Trung ương về phòng, chống thiên tai (có 12 phụ lục gửi kèm theo).

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Kạn tổng hợp báo cáo Văn phòng Thường trực BCĐ Trung ương về phòng, chống thiên tai xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
Gửi bản giấy
- Như kính gửi;
Gửi bản điện tử
- UBND tỉnh (b/c);
- GĐ, các PGĐ Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CCTL.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH BẮC KẠN

Hà Kim Oanh

Phụ lục 1:SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI DO BÃO NĂM 2021 (DỰ KIẾN)

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

TT	Huyện/Xã	RRTT cấp độ 3				RRTT cấp độ 4				RRTT cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
I	**Huyện Ba Bể**	**17**	**79**			**33**	**132**			**334**	**1,336**		
1	Xã Cao Thượng	7	31				-				-		
2	Xã Chu Hương	1	3				-				-		
3	Xã Hoàng Trĩ	2	9				-				-		
4	Xã Quảng Khê	2	11				-				-		
5	Xã Nam Mẫu	5	25				-				-		
II	**Huyện Bạch Thông**	**7**	**30**			**21.0**	**84.0**			**139.0**	**556.0**		
1	Xã Mỹ Thanh	1	4				-				-		
2	Xã Cao Sơn	5	21				-				-		
3	Xã Nguyên Phúc	1	5				-				-		
III	**Huyện Chợ Mới**	**16**	**64**			**35.0**	**140.0**			**381.0**	**1,524.0**		
1	Xã Yên Hân	3	10				-				-		
2	Xã Tân Sơn	12	49				-				-		
3	Xã Yên Cư	1	5				-				-		
IV	**Huyện Chợ Đồn**	**16**	**82**			**-**	**-**			**209.0**	**836.0**		
1	Xã Xuân Lạc	11	63				-				-		

2	Xã Bản Thi	5	19				-				-		
V	**Huyện Ngân Sơn**	**3**	**14**			**11.0**	**44.0**			**32.0**	**128.0**		
1	Xã Cốc Đán	2	9				-				-		
2	Xã Thượng Ân	1	5				-				-		
VI	**Huyện Pác Nặm**	**14**	**79**			**61.0**	**244.0**			**390.0**	**1,560.0**		
1	Xã An Thắng	4	21				-				-		
2	Xã Nghiên Loan	1	8				-				-		
3	Xã Cổ Linh	1	4				-				-		
4	Xã Nhạn Môn	1	4				-				-		
5	Xã Cao Tân	7	42				-				-		
VII	**Huyện Na Rì**	**2**	**9**	**185**	**1,110**	**2.0**	**8.0**			**134.0**	**536.0**		
VIII	**Thành phố Bắc Kạn**					**8.0**	**32.0**			**279.0**	**1,116.0**		
	Toàn tỉnh	**75**	**357**	**185**	**1,110**	**171**	**684**	**-**	**-**	**1,898**	**7,592**	**-**	**-**

Phụ lục 2: SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ THEO CÁC CẤP BÁO ĐỘNG LŨ (DỰ KIẾN)

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

TT	Huyện	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Huyện Ba Bể	78	312			48	192			75	300		
2	Huyện Bạch Thông	15	60			27	108			42	168		
3	Huyện Chợ Đồn	1	4										
4	Huyện Chợ Mới	7	28			41	124			80	320	20	80
5	Huyện Na Rì	6	26			18	67			50	230	100	450
6	Huyện Ngân Sơn	10	40	64	251	10	40	64	251	10	40	64	251

7	Huyện Pác Nặm	4	16										
8	Thành phố Bắc Kạn	56	168			141	845			1,000	1,900		
	Toàn tỉnh	**170**	**626**	**64**	**251**	**244**	**1,252**	**64**	**251**	**1,257**	**2,638**	**184**	**781**

Phụ lục 3: TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỊA ĐIỂM SƠ TÁN DÂN TẬP TRUNG

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

TT	Địa điểm	Vị trí				Phạm vi di chuyển đến (km)	Sức chứa (m2)	Trang bị phòng chống dịch covid (Khẩu trang, sát khuẩn)
		Hội trường xã	Nhà Văn hóa	Trường học	Trụ sở tôn giáo			
I	**THÀNH PHỐ BẮC KẠN**							
	Phường Nguyễn Thị Minh Khai		11	2		0.3	1,280	Tự túc hoặc có thể được bố trí khi có yêu cầu
	Phường Đức Xuân		6			0.5	480	
	Phường Xuất Hóa		2			1.5	100	
	Phường Sông Cầu		4	1		0.5	420	
	Phường Phùng Chí Kiên		1	1		0.3	300	
	Phường Huyền Tụng		3	1		0.5	600	
	Xã Nông Thượng		8			1	800	
	Xã Dương Quang		1			1	120	
II	**HUYỆN BA BỂ**							
	Xã Mỹ Phương	1	5	2		1	3,080	Tự túc hoặc có thể được bố trí khi có yêu cầu
	Xã Chu Hương	1	3	1		1.5	2,080	
	Xã Địa Linh	1	5	2		2	3,580	
	Xã Yến Dương	1	4	1		1.5	2,580	
	Thị trấn Chợ Rã	1	6	2		1	4,080	
	Xã Bành Trạch	1	5	1		2	3,080	
	Xã Thượng Giáo	1	7	2		1.3	4,580	
	Xã Khang Ninh	1	6	2		1.5	4,080	
	Xã Đồng Phúc	1	5	1		2	3,080	

	Xã Quảng Khê	1	4	1		1.4	2,580	
	Xã Hoàng Trĩ	1	3	1		2.2	2,800	
	Xã Nam Mẫu	1	4	1		1	2,580	
	Xã Cao Thượng	1	6	2		1.8	4,080	
	Xã Phúc Lộc	1	6	2		2	4,080	
	Xã Hà Hiệu	1	7	2		3	4,580	
III	**HUYỆN CHỢ MỚI**							
	Thiên tai cấp độ 3							
	Quảng Chu	1	13	3		Khoảng 1-2km	1,236	Tự túc hoặc có thể được bố trí khi có yêu cầu
	Như Cố	1	11	3		Khoảng 1-2km	1,188	
	Bình Văn	1	7	2		Khoảng 1-2km	792	
	Yên Hân	1	10	3		Khoảng 1-2km	1,164	
	Yên Cư	1	16	2		Khoảng 1-2km	1,008	
	Thị trấn Đồng Tâm	1	15	3		Khoảng 1-2km	1,284	
	Thanh Thịnh	1	17	3		Khoảng 1-2km	1,332	
	Nông Hạ	1	15	4		Khoảng 1-2km	1,584	
	Cao Kỳ	1	12	3		Khoảng 1-2km	1,212	
	Hòa Mục	1	8	2		Khoảng 1-2km	816	
	Tân Sơn	1	6	2		Khoảng 1-2km	768	
	Thanh Mai	1	14	2		Khoảng 1-2km	960	
	Mai Lạp	1	5	2		Khoảng 1-2km	744	
	Thanh Vận	1	7	2		Khoảng 1-2km	792	
	Thiên tai cấp độ 4							
	Quảng Chu	1	13	3		Khoảng 1-2km	1,236	Tự túc hoặc có thể được bố trí khi có yêu cầu
	Như Cố	1	11	3		Khoảng 1-2km	1,188	
	Bình Văn	1	7	2		Khoảng 1-2km	792	
	Yên Hân	1	10	3		Khoảng 1-2km	1,164	
	Yên Cư	1	16	2		Khoảng 1-2km	1,008	
	Thị trấn Đồng Tâm	1	15	3		Khoảng 1-2km	1,284	
	Thanh Thịnh	1	17	3		Khoảng 1-2km	1,332	
	Nông Hạ	1	15	4		Khoảng 1-2km	1,584	
	Cao Kỳ	1	12	3		Khoảng 1-2km	1,212	

	Hòa Mục	1	8	2		Khoảng 1-2km	816	
	Tân Sơn	1	6	2		Khoảng 1-2km	768	
	Thanh Mai	1	14	2		Khoảng 1-2km	960	
	Mai Lạp	1	5	2		Khoảng 1-2km	744	
	Thanh Vận	1	7	2		Khoảng 1-2km	792	
IV	**HUYỆN BẠCH THÔNG**							
	Cao Sơn	-	6	2		Khoảng 1-2km	800	Tự túc hoặc có thể được bố trí khi có yêu cầu
	Dương Phong	1	8	2		Khoảng 1-2km	1200	
	Nguyên Phúc	1	9	2		Khoảng 1-2km	1300	
	Quang Thuận	1	11	2		Khoảng 1-2km	1500	
	Tân Tú	1	14	4		Khoảng 1-2km	2000	
	Vũ Muộn	-	10	2		Khoảng 1-2km	1200	
	Cẩm Giàng	-	11	3		Khoảng 1-2km	1400	
	Lục Bình	1	7	2		Khoảng 1-2km	1100	
	Mỹ Thanh	-	10	2		Khoảng 1-2km	1200	
	Sỹ Bình	1	11	2		Khoảng 1-2km	1500	
	Thị trấn Phủ Thông	1	13	5		Khoảng 1-2km	2000	
	Quân Hà	1	11	4		Khoảng 1-2km	1700	
	Vi Hương	1	9	2		Khoảng 1-2km	1400	
	Đôn Phong	-	10	2		Khoảng 1-2km	1200	
V	**HUYỆN PÁC NẶM**							
	Xã Nghiên Loan	1		3		0.3	230	Tự túc hoặc có thể được bố trí khi có yêu cầu
	Xã Xuân La	1	1	3		0.4	450	
	Xã Bộc Bố	1	1	3		0.3	500	
	Xã Giáo Hiệu	1	1	3		0.2	240	
	Xã Công Bằng	1	1	3		0.5	450	
	Xã Cao Tân	1		3		0.3	120	
	Xã Cổ Linh	1		3		0.4	350	
	Xã Nhạn Môn	1	1	3		0.3	500	
	Xã Bằng Thành	1		3		0.5	220	
	Xã An Thắng	1		3		0.6	110	

VI	**HUYỆN NGÂN SƠN**							
	Xã Vân Tùng	1	13	3		1	1,530	Tự túc hoặc có thể được bố trí khi có yêu cầu
	Xã Thượng Ân		1	2		2	460	
	Xã Trung hòa	1	1	2		1	610	
	Xã Hiệp Lực	1	4			1	390	
VII	**HUYỆN NA RÌ**							
	Thiên tai cấp độ 3							
	Cư Lễ	1	2	1		4	450	Tự túc hoặc có thể được bố trí khi có yêu cầu
	Côn Minh	4	4	3		4	5,480	
	Cường Lợi	1	1	2		5	1,990	
	Dương Sơn	1	1	2		3	1,990	
	Đổng Xá	1	5			6	350	
	Kim Hỷ			1		1	200	
	Kim Lư	1	3	4		3	550	
	Lương Thượng			2		3	300	
	Liêm Thủy	2	4	4		5	1,000	
	Quang Phong	1	1	1		5	500	
	Trần Phú	1	1	4		2	2,680	
	Sơn Thành	1	1	4		4	500	
	Văn Lang	2	2	4		4	1,500	
	Văn Minh	1	1	1		2	200	
	Văn Vũ	2	3	4		5	500	
	Xuân Dương	1	2	3		4	2,500	
	Thị trấn Yến Lạc	2	2	4		3	500	
	Thiên tai cấp độ 4							
	Thị trấn Yến Lạc	7	2	7			500	
VIII	**HUYỆN CHỢ ĐỒN**							
1	UBND xã Bằng Phúc	1	8	2		2-3km	1,030	
2	UBND xã Phương Viên	1	8	2		2-3km	1,030	
3	UBND xã Đồng Thắng	1	15	2		2-3km	1,450	
4	UBND xã Đại Sảo	1	7	2		2-3km	970	
5	UBND xã Yên Mỹ	1	9	2		2-3km	1,090	

6	UBND xã Bình Trung	1	11	2		2-3km	1,210	Tự túc hoặc có thể được bố trí khi có yêu cầu
7	UBND xã Lương Bằng	1	8	2		2-3km	1,030	
8	UBND xã Nghĩa Tá	1	9	2		2-3km	1,090	
9	UBND xã Yên Phong	1	11	2		2-3km	1,210	
10	UBND TT Bằng Lũng	1	7	5		2-3km	1,570	
11	UBND xã Ngọc Phái	1	8	2		2-3km	1,030	
12	UBND xã Yên Thượng	1	9	2		2-3km	1,090	
13	UBND xã Yên Thịnh	1	10	2		2-3km	1,150	
14	UBND xã Bản Thi	1	7	2		2-3km	970	
15	UBND xã Quảng Bạch	1	7	2		2-3km	970	
16	UBND xã Tân Lập	1	6	2		2-3km	910	
17	UBND xã Đồng Lạc	1	6	2		2-3km	910	
18	UBND xã Xuân Lạc	1	7	2		2-3km	970	
19	UBND xã Nam Cường	1	7	2		2-3km	970	
20	UBND xã Bằng Lãng	1	8	2		2-3km	1,030	

Phụ lục 7.TỔNG HỢP SỐ LIỆU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

TT	Địa bàn	Lồng		Bè		Khu vực nuôi trồng thủy sản
		Số lượng *(cái)*	Tổng số người NTTS	Số lượng *(cái)*	Tổng số người NTTS	
1	**Huyện Ba Bể**	**41**	**25**			
	Xã Khang Ninh	12	8			Thôn Bản Vài
	Xã Thượng Giáo	29	17			Thôn Phiêng Chì, Phiêng Toản, Nà Ché, Tin Đồn,
2	**Huyện Na Rì**	**4**	**4**			
	Xã Kim Lư	4	4			Hồ Khuổi Khe, thôn Khuổi Ít
Tổng		**45**	**29**			

Phụ lục 8.TỔNG HỢP SỐ LIỆU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CHÍNH

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

TT	Địa bàn	Lúa (ha)	Hoa màu (ha)	Cây lâu năm (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Đàn đại gia súc (Con)	Đàn gia súc (Con)	Đàn gia cầm (Con)
1	Huyện Ba Bể	2,400	1,343	2,081	490	13,066	45,271	303,336
2	Huyện Bạch Thông	1,732	779	2,110	392	5,480	28,267	404,634
3	Huyện Chợ Đồn	2,440	519	1,302	772	8,899	32,886	379,378
4	Huyện Chợ Mới	1,678	995	1,781	962	5,096	20,444	409,199
5	Huyện Na Rì	2,250	2,309	697	465	10,259	33,708	425,753
6	Huyện Ngân Sơn	1,960	1,315	164	442	11,992	23,625	333,391
7	Huyện Pác Nặm	1,400	755	497	353	14,461	47,276	356,058
8	Thành phố Bắc Kạn	350	154	417	127.03	569	11,449	177,083
9	Công ty Lâm nghiệp				306			
10	Vườn Quốc gia Ba Bể				120			
		14,210	**8,169**	**9,049**	**4,429**	**69,822**	**242,926**	**2,788,832**

Phụ lục 10: PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN VÙNG NGUY CƠ CAO VỀ SẠT LỞ ĐẤT, LŨ QUÉT

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

TT	Tên danh điểm, số điểm		Sạt lở bờ sông		Lũ ống, lũ quét		Sạt lở núi		Vùng thường xuyên chia cắt, ngập sâu	
			Số hộ	Số Khẩu	Số hộ	Số Khẩu	Số hộ	Số Khẩu	Số hộ	Số người
	TỔNG TOÀN TỈNH		**154**	**479**	**204**	**842**	**1,571**	**6,351**	**153**	**591**
1.1 HUYỆN BA BỂ			**33**	**33**	**23**	**102**	**157**	**642**	**48**	**190**
1	Xã Mỹ Phương						5	15		
2	Xã Chu Hương				2	11	17	80		
3	Xã Địa Linh				2	9	38	136	1	2
4	Xã Yến Dương						5	20		
5	Thị trấn Chợ Rã						4	10		
6	Xã Bành Trạch						4	16		
7	Xã Thượng Giáo						18	70		
8	Xã Khang Ninh						1	2		
9	Xã Đồng Phúc						4	18	47	188
10	Xã Quảng Khê		33	33			15	35		
11	Xã Hoàng Trĩ						7	25		
12	Xã Nam Mẫu				10	41	14	60		
13	Xã Cao Thượng				9	41	9	32		
14	Xã Phúc Lộc						11	48		
15	Xã Hà Hiệu						5	25		
1.2 HUYỆN CHỢ ĐỒN			**-**	**-**	**37**	**148**	**171**	**684**		
1	Nà Bay	Xã Bằng Phúc				-	3	12		
2	Nà Pài	Xã Bằng Phúc				-	2	8		
3	Tổ 1	TTBằng Lũng				-	2	8		
4	Tổ 10	TTBằng Lũng				-	3	12		
5	Tổ 13	TTBằng Lũng				-	4	16		
6	Tổ 16	TTBằng Lũng				-	5	20		
7	Tổ 17	TTBằng Lũng				-	4	16		
8	Thôn Bản Diếu	Xã Ngọc Phái			1	4	6	24		
9	Thôn Nà Tùm	Xã Ngọc Phái				-	3	12		
10	Thôn Phiêng Liềng 2	Xã Ngọc Phái				-	3	12		
11	Thôn Bản Ổm	Xã Ngọc Phái				-	3	12		
12	Thôn Bản Cuôn 1	Xã Ngọc Phái				-	3	12		
13	Bản Cưa	Xã Bằng Lãng				-	6	24		
14	Khuổi Xỏm	xã Yên Phong				-	1	4		
15	Nà Chúa	Xã Phương Viên				-	1	4		
16	Thôn Nà Giỏ	Xã Yên Mỹ			1	4	2	8		
17	Thôn Nà Huống, Che ngù, Nà Khuốt	Xã Yên Thượng			6	24	9	36		
18	Kéo Nàng	Xã Bản Thi				-	2	8		
19	Thôn Bản Tưn	Xã Xuân Lạc				-	2	8		
20	Thôn Bản Ó	Xã Xuân Lạc				-	6	24		

21	Thôn Nà Bản	Xã Xuân Lạc				-	20	80		
22	Thôn Cốc Slông	Xã Xuân Lạc				-	25	100		
23	Thôn Bản Chang	Lương Bằng				-	1	4		
24	Thôn Nà Bưa	Lương Bằng				-	3	12		
25	Thôn Bản Vèn	Lương Bằng				-	4	16		
26	Thôn Nà Mương	Lương Bằng			1	4		-		
27	Thôn Nà Lùng	Lương Bằng			5	20	1	4		
28	Thôn Nà Chiếm	Lương Bằng				-	1	4		
29	Thôn Cốc quang	Xã Đồng Thắng				-	4	16		
30	Thôn Nà Cọ	Xã Đồng Thắng				-	1	4		
31	Thôn Bản Cáu	Xã Đồng Thắng			1	4		-		
32	Thôn Làng Sen	Xã Đồng Thắng				-	4	16		
33	Thôn Nà Mèo	Xã Đồng Thắng				-	3	12		
34	Thôn Nà Chang	Xã Đồng Thắng				-	2	8		
35	Thôn Cốc Héc	Xã Đồng Thắng				-	8	32		
36	Thôn Nà Pèng	Xã Đồng Thắng				-	1	4		
37	Thôn Nà Cà	Xã Nghĩa Tá			2	8	1	4		
38	Thôn Nà Kiến	Xã Nghĩa Tá			3	12	1	4		
39	Thôn Kéo Tôm	Xã Nghĩa Tá			7	28	1	4		
40	Thôn Nà Đeng	Xã Nghĩa Tá				-	2	8		
41	Thôn Nà Tông	Xã Nghĩa Tá			3	12		-		
42	Thôn Nà Đẩy	Xã Nghĩa Tá				-	3	12		
43	Thôn Nà Khằn	Xã Nghĩa Tá			4	16		-		
44	Thôn Bản Lạp	Xã Nghĩa Tá			3	12		-		
45	Thôn Bản Bằng	Xã Nghĩa Tá				-		-		
46	Thôn Khuổi Đẩy	Xã Bình Trung				-	6	24		
47	Thôn Bản Pèo	Xã Bình Trung				-	4	16		
48	Thôn Nà Phầy	Xã Bình Trung				-	5	20		
1.3 HUYỆN NGÂN SƠN			50	**150**	7	**28**	**36**	**144**		
1	Đèo Gió	Vân Tùng				-	8	32		
2	Tân ý I	Vân Tùng				-	1	4		
3	Thắm Ông	Thượng Ân				-	3	12		
4	Khuổi sặt	Thượng Ân				-	1	4		
5	Tềnh Kiết	Thượng Quan				-	1	4		
6	Pù Piót	Thượng Quan			4	16	2	8		
7	Nà Ngần	Thượng Quan				-	1	4		
8	Nà Chúa	Thuần Mang				-	3	12		
9	Khuổi Tục	Thuần Mang				-	7	28		
10	Cốc Mỏong	Cốc Đán				-	1	4		
11	Nà Cháo	Cốc Đán				-	2	8		
12	Khuổi Ngoài	Cốc Đán				-	2	8		
13	Pà Pán	Trung Hòa				-	4	16		
14	Cảng Cào	Trung Hòa		-	3	12		-		
15	Thị Trấn Nà Phặc	Thị trấn Nà Phặc	50	150						
1.4 HUYỆN CHỢ MỚI			57	**233**	**26**	**104**	**265**	**1,060**		

1	Thôn Thôm Chầu	Yên Hân		-	6	24		-		
2	Thôn Nà Đon, Nà Sao, Chợ Tinh 2	Yên Hân				-	15	60		
3	Thôn Nà Mố	Bình Văn				-	7	28		
4	Thôn Khuôn Tắng	Bình Văn				-	14	56		
5	Thôn Bản Mới	Bình Văn				-	2	8		
6	Thôn Tài Chang	Bình Văn			7	28	3	12		
7	Thôn Thôm Bó	Bình Văn				-	20	80		
8	Thôn Đon Cọt	Bình Văn				-	17	68		
9	Thôn Thôm Thoi	Bình Văn				-	6	24		
10	Hồ Thôm Bó	Bình Văn				-		-		
11	Hồ Khuổi Luông	Bình Văn				-		-		
12	Phai Bản Nà	Bình Văn			x			-		
13	Phai Pục 1+2	Bình Văn			x			-		
14	Phai Sa 1+2	Bình Văn			x			-		
15	Công trình NSH Thôm Thoi	Bình Văn			x			-		
16	Công trình NSH Đon Cọt, Nà Mố	Bình Văn				-		-		
17	Khu Nà Kẹm, thôn Bản Quất	Như Cố				-		-		
18	Khu Khau Búng, thôn Bản Quất	Như Cố				-	6	24		
19	Bản Cháo	Yên Cư				-	13	52		
20	Nà Hoạt	Yên Cư				-	5	20		
21	Thôn Bản Đồn, Bản Giác (Khu vực dân cư Năm Tốc - Bản Giác)	Hòa Mục	30	120		-				
22	Thôn Bản Vọt (Km8+800;Km9+200)	Hòa Mục				-	x			
23	Khu cuối thôn Xí Nghiệp	Nông Hạ				-		-		
24	Khu cuối thôn Bản Tết 2 giáp thôn Xí Nghiệp	Nông Hạ				-		-		
25	Khu vực Nà Chú, thôn Reo Dài	Nông Hạ				-	1	4		
26	Khu gần trung tâm thôn Khe Thì 1	Nông Hạ				-	4	16		
27	Khu nhà ông Mai Văn Hậu, thôn Bản Tết 1	Nông Hạ				-	1	4		
28	Khu gần cầu Sáu Hai, thôn Sáu Hai	Nông Hạ				-	1	4		
29	Khu giáp trường cấp 1, thôn Sáu Hai	Nông Hạ				-	2	8		
30	Khu Nà Thán, thôn Nà Quang	Nông Hạ				-	3	12		
31	Khu Hin Phéc, thôn Nà Quang	Nông Hạ				-	4	16		
32	Khu Nà Ba, thôn Khe Thuống	Nông Hạ				-	4	16		
33	Cầu tràn thôn Cửa Khe	Quảng Chu				-		-		
34	Thôn Nà Lằng	Quảng Chu				-		-		
37	Cống 2, thôn Bản Lù	Tân Sơn				-	2	8		
38	Thôn Bản Lù	Tân Sơn				-	3	12		
39	Đá đen, thôn Nà Khu	Tân Sơn				-	1	4		
40	Khu trường học, Thôn Khuổi Đeng	Tân Sơn				-		-		
41	Thôn Nặm Dất	Tân Sơn				-	4	16		
42	Đường 259B tại các thôn Nà Pai, Nà Pẻn, Roỏng Tùm	Thanh Mai				-	4	16		
43	Đường 259A, tại các thôn Bản Kéo, Trung Tâm, Bản Pjải, Phiêng Luông.	Thanh Mai				-	49	196		
44	Đường liên thôn Nà Pẻn – Khuổi Phầy	Thanh Mai				-	3	12		
45	Đường liên thôn Bản Tý - Khuổi Dạc	Thanh Mai				-	7	28		

46	Khu vực cầu tràn khu chợ Pác cốp thôn khau ràng	Khau Ràng, Mai Lạp				-		-		
47	Khu vực Nà Tuống thôn Khau Tổng	Khau Tổng, Mai Lạp				-		-		
48	Khu vực Nà Rạc, Nà Dậu thôn Nà Diếng	Nà Điếng, Mai Lạp				-		-		
49	Khu vực ta ly dương nhà ông Hà Văn Tú thôn Khau Ràng	Khau Ràng, Mai Lạp				-	1	4		
50	Khu vực ta ly đằng sau UBND xã và trường Mầm non	Khau Làng, Mai Lạp				-	x			
51	Các khu vực sạt lở đường giao thông nông thôn	Mai Lạp				-				
	+ Khu vực Kéo kí thôn Bản Ruộc	Mai Lạp				-	x			
	+ Khu đường giao thông Mai Lạp đi xã Thanh Mai	Mai Lạp				-	x			
	+ Khu đường giao thông liên thôn Bản Ruộc đi khau Mu và Bản Ruộc đi Khuổi Đác.	Mai Lạp				-	x			
	+ Khu vực đường giao thông liên thôn Bản Pá đi thôn Tổng Vụ.	Mai Lạp				-	x			
	+ Khu vực đường giao thông liên thôn Nà Điếng đi thôn Bản Rả	Mai Lạp				-	x			
	+ Khu đường giao thông liên xã Mai Lạp đi xã Quang thuật.	Mai Lạp				-	x			
52	Điểm sạt lở, lũ ống, lũ quét có thể sẩy ra ở 5/5 thôn bản	Mai Lạp			x		x			
53	Tổ 6, tổ 7, TT Đồng Tâm	TT Đồng Tâm				-		-		
54	Tổ 6, TT Đồng Tâm	TT Đồng Tâm			10	40		-		
55	Tổ 1, tổ 2, tổ 7, TT Đồng Tâm	TT Đồng Tâm	20	80		-	24	96		
35	khu vực Lùng Cúc, thôn Nặm Bó	TT Đồng Tâm				-	4	16		
36	Khu vực Hin Chiêng, thôn Tổng Cổ	TT Đồng Tâm				-	3	12		
56	Thôn Nà Chúa	Thanh Vận				-	6	24		
57	Nà Kham	Thanh Vận				-		-		
58	Nà Rẫy	Thanh Vận				-	1	4		
59	Quan Làng	Thanh Vận				-	1	4		
60	Tuyến đường từ thôn Cảm lẹng vào thôn Khe Lắc	Thanh Thịnh				-	3	12		
61	Khu vự thôn Nà Đeo	Thanh Thịnh	1	4		-	1	4		
62	Khu vực thôn Khe Lắc	Thanh Thịnh				-	1	4		
63	Khu Vực Nà My, thôn Khuổi Tai	Thanh Thịnh			3	12		-		
	Thôn Nà ó	Thanh Thịnh	1	4						
	Thôn Nà Ba	Thanh Thịnh	5	25						
64	Nguy cơ sạt lở bờ sông, suối tại các thôn: Thôn Công Tum, Thôn Hua Phai, Thôn Nà Nguộc Thôn Nà Cà 2	Cao Kỳ				-	x			
65	Sạt lở bờ Sông cầu tại Khu vực thôn Tổng sau	Cao Kỳ				-	5	20		

66	Sạt lở Đường giao thông tại các thôn Phiêm Câm, Nà Ngược, thôn Nà Cà 2	Cao Kỳ				-	x			
67	Thôn Phiêm Câm	Cao Kỳ				-	9	36		
68	Thôn Công Tum	Cao Kỳ				-	3	12		
69	Thôn Khau Lồm	Cao Kỳ				-	2	8		
1.5 HUYỆN PÁC NẶM					**72**	**288**	**375**	**1,500**		
1	Thôn Pác Nặm	Bằng Thành				-	9	36		
2	Thôn Khên Lền	Công Bằng				-	2	8		
3	Thôn Cốc Nọt	Công Bằng				-	2	8		
4	Thôn Nặm Sai	Công Bằng				-	7	28		
5	Thôn Nà Chảo	Công Bằng				-	7	28		
6	Thôn Pác Cáp	Công Bằng				-	4	16		
7	Thôn Khắp Khính	Công Bằng				-	3	12		
8	Thôn Nặm Đăm	Cao Tân				-	28	112		
9	Thôn Chẻ Pang	Cao Tân				-	25	100		
10	Thôn Đuông Nưa	Cao Tân			2	8		-		
11	Thôn Nà Quạng	Cao Tân				-	26	104		
12	Thôn Phiêng Puốc	Cao Tân				-	19	76		
13	Thôn Nà Lài	Cao Tân				-	17	68		
14	Thôn Lủng Pạp	Cao Tân				-	9	36		
15	Thôn Pù Lườn	Cao Tân				-	21	84		
16	Thôn Khuổi Bốc	Xuân La				-	6	24		
17	Thôn Nà Nghè	Bộc Bố				-		-		
18	Thôn Nặm Mây	Bộc Bố				-		-		
19	Thôn Khuổi Bẻ	Bộc Bố				-	1	4		
20	Thôn Đông Lẻo	Bộc Bố				-	3	12		
21	BCH sự huyện	Bộc Bố				-	1	4		
22	Thôn Khau Slôm	Giáo Hiệu				-	1	4		
23	Thôn Khuổi Lè	Giáo Hiệu			2	8	1	4		
24	Thôn Slam vè	Nhạn Môn				-	20	80		
25	Thôn Nặm Khiếu	Nhạn Môn				-	22	88		
26	Thôn Ngảm Váng	Nhạn Môn				-	14	56		
27	Thôn Phiêng Tạc	Nhạn Môn			6	24	19	76		
28	Thôn Vy Lạp	Nhạn Môn			17	68	12	48		
29	Thôn Phai Khỉm	Nhạn Môn				-	15	60		
30	Thôn Nà Bẻ	Nhạn Môn				-	17	68		
31	Thôn Khuổi Ỏ	Nhạn Môn			19	76	21	84		
32	Thôn Nà bẻ	Nhạn Môn			7	28		-		
33	Thôn Phai Khỉm	Nhạn Môn			18	72		-		
34	Thôn Phiêng Tạc	Nhạn Môn				-		-		
35	Thôn Phai Khỉm	Nhạn Môn				-		-		
36	Thôn Phia Đeng	Nghiên Loan				-	1	4		
37	Thôn Tân Hợi	An Thắng				-	35	140		
38	Thôn Khuổi Làng	An Thắng				-	1	4		
39	Thôn Lủng Vài	Cổ Linh				-	3	12		
40	Thôn Thôm Niêng	Cổ Linh				-	1	4		

41	Thôn Lủng Nghè	Cổ Linh				-	1	4		
42	Thôn Khuổi Trà	Cổ Linh			1	4		-		
43	Thôn Bản Cảm	Cổ Linh				-	1	4		
1.6 THÀNH PHỐ BẮC KẠN			5	**25**	5	**37**	**191**	**746**	**18**	**72**
1	P. Nguyễn T. Minh Khai									
2	Phường Đức Xuân		5	25			52	260		
3	Phường Xuất Hóa				1	6	7	30		
4	Phường Sông Cầu								18	72
5	Phường Phùng Chí Kiên						70	247		
6	Phường Huyền Tụng				2	21	13	45		
7	Xã Nông Thượng						40	125		
8	Xã Dương Quang				2	10	9	39		
1.7 HUYỆN NA RÌ			**9**	**38**	**7**	**27**	**258**	**1,103**	**72**	**269**
1	Khu Tốc Lù thôn Kim Vân	Kim Hỷ		-		-		-		
2	Khu Nà Còi thôn Bản Vèn	Kim Hỷ				-	3	12		
3	Khu Cốc Pục thôn Bản Kẹ	Kim Hỷ				-	10	40		
4	Khuổi Vuồng Thòng Khéo thôn Cốc Tém, Nà Ản	Kim Hỷ				-	2	8		
5	Khu Pác Phai thôn Bản Vin	Kim Hỷ			1	4	4	16		
6	Khu Cầu Trắng Khuổi Nộc, Pàn xả, Bản Giang	Lương Thượng				-	10	50		
7	Khu Cốc Keng Lủng Pảng	Côn Minh				-	5	20		
8	Khu Bản Cào thôn Bản Cào	Côn Minh				-	15	60		
9	Khu Lùng Tát thôn Áng Hin	Côn Minh				-	5	20		
10	Khu Nà Tà Bản Lài, Khôn Hin, Nưa Háng khu thôn Chợ A, B	Côn Minh			2	8	10	40		
11	Khu Khuổi Lỷ, Khuổi Kim thôn Nà Pì	Liêm Thủy				-	7	28		
12	Khu Kim Pao thôn Khuổi Tấy A	Liêm Thủy				-	8	32		
13	Khu thôn Bản Cải	Liêm Thủy				-	5	20		
14	Khu Khuổi Lỷ thôn Lũng Danh	Liêm Thủy				-	6	24		
15	Khu Đồi Pò Vầu thôn Nà Cằm	Văn Vũ				-	2	8		
16	Khu Đồi Pò Mi thôn Pò cạu,	Văn Vũ				-	2	8		
17	Điểm Pàn phấy thôn Pò Rản	Văn Vũ				-	2	8		
18	Điểm Pò Sâu thôn Nà Ca	Văn Vũ				-	2	8		
19	Khu thôn Thôm Kinh	Văn Vũ				-	8	32	12	54
20	Khu Lùng Duốc thôn To Đoóc	Văn Lang				-	4	16		
21	Khu thôn Cốc Phia	Văn Lang				-	13	52		
22	Khu Sắc Sái, Phác Phàn Khuổi Quân	Cư Lễ				-	16	58		
23	Khu thôn Khuổi Khiếu	Trần Phú	3	15		-	55	251		
24		Quang Phong	1	3	4	15	3	10	32	123
25	Khu Nà Đeng	Cường Lợi				-	2	8	16	38
26	Khu Lùng Vài thôn Khuổi Luông	Sơn Thành				-	5	20		

27	Khu Thôn Nà Lẹng, Nà Pàn	Sơn Thành				-	2	8		
28	Khu Thôn Nà Lẹng, Nà Pàn	Sơn Thành				-	2	8		
29	Khu thôn Khuổi Kheo	Dương Sơn	5	20		-	26	130		
30	Khu Thôn Khuổi Cáy	Đồng Xá				-	1	4		
31	Khu chợ Xuân Dương	Xuân Dương				-	23	104	12	54
1.8 HUYỆN BẠCH THÔNG			**-**	**-**	**27**	**108**	**118**	**472**	**15**	**60**
1	Thôn 1A Nà Loạn	Sỹ Bình			1	4		-		-
2	Thôn Nà Phja	Sỹ Bình				-	2	8		-
3	Thôn Khuổi Đẳng	Sỹ Bình				-	3	12		-
4	Thôn Pù Cà	Sỹ Bình				-	1	4	2	8
5	Thôn Nà Váng	Đôn Phong			4	16		-		-
6	Thôn Bản Chiêng	Đôn Phong				-	9	36	6	24
7	Thôn Nà Pán	Đôn Phong				-		-		-
8	Thôn Vằng Bó	Đôn Phong				-	3	12	5	20
9	Thôn Nà Tà	Tân Tú				-		-		-
10	Thôn Pò Đeng	Tân Tú				-	1	4		-
11	Thôn Bản Mới	Tân Tú				-	2	8		-
12	Thôn Khuổi Sha	Tân Tú				-	5	20		-
13	Thôn Nà Phát	Tân Tú				-	2	8	1	4
14	Thôn Còi Mò	Tân Tú				-	4	16		-
15	Thôn Bản Lạnh	Tân Tú				-	6	24		-
16	Thôn Nà Còi	Tân Tú				-	2	8		-
17	Thôn Thủy Điện	Vi Hương			4	16		-		-
18	Thôn Địa Cát	Vi Hương			3	12	1	4		-
19	Thôn Bó Lịn	Vi Hương			3	12	5	20		-
20	Thôn Nà Ít	Vi Hương				-	6	24		-
21	Thôn Nà Pái	Vi Hương				-	6	24		-
22	Thôn Nà Chá	Vi Hương			2	8	1	4		-
23	Thôn Đon Bây	Vi Hương				-	2	8		-
24	Thôn Khau Ca	Mỹ Thanh				-	16	64		-
25	Thôn Bản Luông	Mỹ Thanh				-	4	16		-
26	Thôn Phiêng Kham	Mỹ Thanh			1	4		-		-
27	Thôn Bản Châng	Mỹ Thanh			2	8		-		-
28	Thôn Nam Yên	Nguyên Phúc				-	1	4		-
29	Thôn Cáng Lò	Nguyên Phúc				-	1	4		-
30	Thôn Nà Kha	Quang Thuận				-	1	4		-
31	Thôn Boóc Khún	Quang Thuận				-	1	4		-
32	Thôn Nà Hin	Quang Thuận				-	1	4		-
33	Thôn Bản Mèn	Dương Phong				-	2	8		-
34	Thôn Bản Mún I	Dương Phong				-	1	4		-
35	Thôn Tổng Mú	Dương Phong				-	1	4		-
36	Thôn Nà Chèn	Dương Phong				-	1	4		-
37	Thôn Khuổi Chanh	Cẩm Giàng				-	5	20	1	4
38	Thôn Ba Phường	Cẩm Giàng				-	1	4		-
39	Thôn Bó Bả	Cẩm Giàng				-	2	8		-

40	Thôn Nà Ngảng	Quân Hà			6	24		-		-
41	Thôn Khuổi Thiêu	Quân Hà				-	1	4		-
42	Thôn Đâng Bun	Vũ Muộn				-	2	8		-
43	Thôn Đon Quản	Vũ Muộn				-	2	8		-
44	Thôn Tân Lập	Vũ Muộn				-	1	4		-
45	Thôn Đèo Giàng	TT Phủ Thông				-	2	8		-
46	Thôn Chi Quảng A	TT Phủ Thông				-	4	16		-
47	Thôn Chi Quảng B	TT Phủ Thông			1	4		-		-
48	Phố Nà Hái	TT Phủ Thông				-	6	24		-
49	Thôn Pác Chang	Lục Bình				-	1	4		-

ụ lục 11: VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT-TKC

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn	Số lượng
I	**TỔNG HỢP**			
1	**Xe các loại**			**14**
	Xe cứu hộ	Chiếc	Bộ công an	4
	Xe chữa cháy	Chiếc		10
2	**Xuồng các loại**			**29**
	Xuồng máy ST-660	Chiếc	DTQG, QKI	2
	Xuồng máy ST-450	Chiếc		6
	Xuồng máy ST-250	Chiếc		2
	Xuồng cao su	Chiếc		11
	Xuồng máy Yamaha	Chiếc		1
	Xuồng composite 8 ghế	Chiếc		1
	Xuồng 40 Cv	Chiếc	Bộ công an	6
3	**Nhà bạt các loại**			**255**
	Nhà bạt 60m2	Bộ	Bộ CA+QKI	18
	Nhà bạt loại 24m2	Bộ	Quân khu I	21
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	QKI, DTQG, BCA, UBND tỉnh	55
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ		161
4	**Phao các loại**			
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	QKI, DTQG, BCA	4,403
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc		5,330
	Phao bè cứu sinh	chiếc	DTQG	53
5	**Vật tư, Trang thiệt bị khác**			
	Đá xây các loại	m3		95,645
	cát xây các loại	m3		2,900
	Rọ thép	cái		450
	Bao tải	cái		1,000
	Máy phát điện	Chiếc	QKI	42
	Máy bơm nước	Chiếc	MS+ QKI	7
	Mấy cắt bê tông	Bộ	MS+ QKI	4
	Máy cắt thực bì	cái		2
	Xẻng cứu hộ	Cái		416
	Cuốc cứu hộ	Cái		260
II	**DIỄN GIẢI**			
1	**Văn phòng PCTT**			
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	4
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	DTQG	2
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG	120
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG	57
	Phao bè cứu sinh	Chiếc	DTQG	3
2	**Huyện Chợ Mới**			
	Xuồng máy ST-450	Chiếc	DTQG	1
	Xuồng máy Yamaha	Chiếc	DTQG	1
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	16
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	DTQG	3
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	3
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG	390
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG	1,208

	Phao bè cứu sinh	chiếc	DTQG	3
	Đá xây các loại	m3		5,000
	cát xây các loại	m3		600
	Rọ thép	cái		
	Bao tải	cái		
3	**Huyện Chợ Đồn**			
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	12
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	DTQG	3
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG	260
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG	335
	Phao bè cứu sinh	Chiếc	DTQG	3
	Xuồng máy ST-250	Cái	DTQG	1
	Cuốc	Cái	Mua sắm	10
	Xẻng	Cái	Mua sắm	10
	Dao	Cái	Mua sắm	10
	Cưa tay	Cái	Mua sắm	2
	Dây thừng	m	Mua sắm	200
	Đá xây các loại	m3		1,400
	cát xây các loại	m3		200
	Rọ thép	cái		100
	Bao tải	cái		100
4	**Thành phố Bắc Kạn**			
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	17
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	DTQG	5
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG+MS	490
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG+MS	888
	Phao bè cứu sinh	chiếc	DTQG	4
	Xuồng cao xu	chiếc	DTQG+MS	4
	Dây nổi	m	Mua sắm	500
	Dây thừng	m	Mua sắm	550
	Loa tay	cái	Mua sắm	10
	Đá xây các loại	m3		135
	cát xây các loại	m3		50
	Rọ thép	cái		150
	Bao tải	cái		300
5	**Huyện Bạch Thông**			
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	13
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	DTQG	1
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG	130
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG	131
	Phao Bè cứu sinh	chiếc	DTQG	3
	Đá xây các loại	m3		15,000
	cát xây các loại	m3		-
	Rọ thép	cái		
	Bao tải	cái		
6	**Huyện Pác Nặm**			
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	14
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	DTQG	7
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG	156
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG	335
	Phao bè cứu sinh	chiếc	DTQG	3
	Đá xây các loại	m3		7,000
	cát xây các loại	m3		-
	Rọ thép	cái		
	Bao tải	cái		
7	**Huyện Ba Bể**			

	Xuồng máy ST-450	Chiếc	DTQG	1
	Xuồng máy ST-250	Chiếc	DTQG	1
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	5
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	DTQG	4
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG	268
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG	140
	Phao bè cứu sinh	Chiếc	DTQG	5
	Thiết bị chữa cháy	Bộ	DTQG	2
	Đá xây các loại	m3		1,000
	cát xây các loại	m3		2,000
	Rọ thép	cái		100
	Bao tải	cái		100
8	**Huyện Na Rì**			
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	9
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	DTQG	3
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG	120
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG	190
	Xuồng cao su TL202	Chiếc	DTQG	1
	Xuồng composite 8 ghế	Chiếc	DTQG	1
	Phao bè cứu sinh	Chiếc	DTQG	4
	Đá xây các loại	m3		66,000
	cát xây các loại	m3		-
	Rọ thép	cái		
	Bao tải	cái		
9	**Huyện Ngân Sơn**			
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	6
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	DTQG	4
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG	124
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG	140
	Phao bè cứu sinh	Chiếc	DTQG	3
	Dây thừng	m	Mua sắm	50
	Xẻng cứu hộ	Cái	Mua sắm	10
	Cuốc cứu hộ	Cái	Mua sắm	10
	Xà Beng	Cái	Mua sắm	2
	Dao Quắm	Cái	Mua sắm	10
	Đá xây các loại	m3		110
	cát xây các loại	m3		50
	Rọ thép	cái		100
	Bao tải	cái		500
10	**Công an tỉnh**			
	Xe cứu hộ	Chiếc	Bộ CA	4
	Xe chữa cháy	Chiếc	Bộ CA	10
	Xuồng cao su	Chiếc	Bộ CA	6
	Xuồng 40 Cv	Chiếc	Bộ CA	6
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	Bộ CA	24
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	Bộ CA	18
	Nhà bạt loại 60m2	Bộ	Bộ CA	3
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	Bộ CA, tỉnh	482
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	Bộ CA, tỉnh	357
	Phao bè cứu sinh	Chiếc	DTQG cấp	-
	Máy phát điện	Chiếc	Bộ CA	37
	Máy bơm nước	Chiếc	Bộ CA	2
	Máy cưa cầm tay	Chiếc	Bộ CA	3
	Mấy cắt bê tông	Bộ	Bộ CA	4
	Đệm hơi cứu người	Bộ	Bộ CA	2
	Túi vượt sông chống thấm	chiếc	Bộ CA	5

11	**Công ty TNHH MTV thủy Nông**			
	Nhà bạt loại 16,5m2	Chiếc	DTQG	2
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG+MS	880
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG+MS	150
	Phao bè cứu sinh	Chiếc	DTQG	2
12	**Sở Giao thông vận tải**			
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	2
13	**Bộ CHQS tỉnh**			
	Xuồng máy ST-450	Chiếc	Quân khu I	3
	Xuồng máy ST-660	Chiếc	Quân khu I	2
	Nhà bạt loại 24m2	Bộ	Quân khu I	21
	Nhà bạt loại 60m2	Bộ	Quân khu I	15
	Nhà bạt loại 16,5m2	Bộ	DTQG	37
	Nhà bạt loại 24,75m2	Bộ	DTQG	5
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG+QK	1,031
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	DTQG+QK	1,271
	Phao bè cứu sinh	Chiếc	DTQG	20
	Máy cắt thực bì	cái		2
	Cưa máy	Cái	Mua sắm	2
	Máy phát điện	Chiếc	Quân khu I	5
	Máy bơm nước	Chiếc		5
	Xẻng cứu hộ	Cái	Mua sắm	406
	Cuốc cứu hộ	Cái		250
	Xà beng	Cái		19
	Dây thừng cứu nạn	Cuộn		22
14	**Hội Chữ thập đỏ**			
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	DTQG	80
15	**Vườn Quốc gia Ba Bể**			
	Xuồng máy ST450	Chiếc	0	1

Phụ lục 12:Tổng hợp phương tiện dự kiến huy động bảo vệ công trình trọng điểm

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

TT	Đơn vị	Phương tiện phục vụ bảo vệ công trình trọng điểm									Tổng nhân lực
		Máy xúc	Ô tô tải	Xe ben	Ghe, Thuyền	Máy cưa	Rựa	Máy Kéo	Xe ủi	otô vận chyển	
1	Sở Giao thông		21		20				11	17	69
2	Thành phố Bắc Kạn	10	25	15					2		52
3	Huyện Ba Bể		3	5	5	5		1	2	23	44
4	Huyện Chợ Đồn	5	10	10		20			4	15	64
5	Huyện Chợ Mới	5	5								10
6	Huyện Ngân Sơn	7	12	17		53					89
7	Huyện Bạch Thông	2	5								7
8	Huyện Pác Nặm										-
9	Huyện Na Rì	13	80	75		85			1		254
Tổng Cộng		**42**	**140**	**122**	**5**	**163**	**-**	**1**	**9**	**38**	**520**

Phụ lục 13: NGUỒN NHÂN LỰC HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI NĂM 2021

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

ĐVT: Người

TT	Lực lượng	Tổng	Cấp tỉnh	Bộ CHQS tỉnh	Trung đoàn 750	Các huyện, thành phố								Ghi chú
						Ba Bể	Bạch Thông	Chợ Đồn	Chợ Mới	Na Rì	Ngân Sơn	Pác Nặm	tp. Bắc Kạn	
1	Lực lượng thường trực	344	24	100	20	25	25	25	25	25	25	25	25	
2	Dự bị động viên	856				107	107	107	107	107	107	107	107	
3	Dân quân tự vệ	3,087				422	325	302	448	616	264	398	312	
4	Công an	2,280	966			179	147	200	157	168	137	126	200	
5	Y tế	1,641	508			155	142	188	146	179	110	101	112	
6	Thanh niên tình nguyện	1,104				250	140	160	26	275	98	120	35	
7	Hội chữ thập đỏ	119	6			16	15	21	15	18	10	10	8	
8	Hội phụ nữ	252	21			30	30	42	30	36	23	23	17	
9	Lực lượng xung kích	7,369				835	798	1,476	923	1,373	586	686	692	
10	Hội nông dân, đoàn thể khác	42	42											các huyện đã thống
11	Thành viên BCH, VPTT	224	24			25	25	25	25	25	25	25	25	
12	Cán bộ công nhân viên chức	10,315	3,790	-	-	1,029	645	978	777	968	669	776	683	
	Tổng	**27,633**	**5,381**	**100**	**20**	**3,073**	**2,399**	**3,524**	**2,679**	**3,790**	**2,054**	**2,397**	**2,216**	-

Phụ lục 14: THÔNG TIN VỀ NHU YẾU PHẨM

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

TT	Doanh nghiệp/ tổ chức	Mặt hàng Lương thực, thực phẩm					Nhiên liệu			Vật liệu xây dựng			Hàng hoá khác (quy đổi ra tiền)	Ghi chú
		Mì ăn liền	Lương khô	Gạo	Nước uống đóng chai	Lương thực, thực phẩm (khác)	Xăng	Dầudiezen	Dầu hoả	Tôn lợp	Đinh vít	Sắt thép		
		Số lượng (thùng)	*Số lượng (thùng)*	*Số lượng (tấn)*	*Số lượng (thùng)*	*Số lượng (tấn)*	*Số lượng (m3)*	*Số lượng (m3)*	*Số lượng (m3)*	*Số lượng (tấm)*	*Số lượng (tấn)*	*Số lượng (tấn)*	*tỷ đồng*	
1	Cơ sở Nguyễn Thị Tuyết Mai; P.Nguyễn Thị Minh Khai, TP Bắc Kạn			100										
2	Cơ sở Nguyễn Thị Thủy; Chợ Bắc Kạn, TP Bắc Kạn	100		50										
2	HTX Hùng Tuyết Thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng, TP Bắc Kạn, 0912074594 (Lợn)					3								
4	Đại lý hải sản Tiến Thu; P. Đức Xuân, TP Bắc Kạn, đt: 0912074594 (thủy sản)					3								
5	Nhà phân phối Sinh ThànhP. Sông Cầu, TP Bắc Kạn	3,500				12 tấn dầu ăn, 3.500 lít nước mắm								
6	Siêu thị Vinmart Tâng 2 Trung tâm thương mại Vincom Plaza Bắc Kạn	200	200		500	0,3 tấn muối,								
7	Siêu thị Bkmart Bắc Kạn Tổ 5 P.Sông Cầu, TP Bắc Kạn, Đt: 0982181928	200	100		100	400 lít dầu ăn								
8	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngọc Huy, P. Đức Xuân, TP Bắc Kạn	2,500				500 lít dầu ăn								
9	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngọc Hùng	300	150			500 lít dầu ăn								
10	Chi nhánh xăng dầu Bắc Kạn. P.Chí Kiên, TP Bắc Kạn						500	450	15					
11	Doanh nghiệp tư nhân Huấn Hoà. Huyện Chợ Mới, BK						800	1,500						
12	Công ty TNHH Hoàng Tiến P. Huyền Tụng, TP Bắc Kạn						300	450						
13	Công ty TNHH Trần Toản P. Xuất Hóa, TP Bắc Kạn									10,000	1,000			
14	DNTN Đình Thành											30		
15	Cơ sở sản xuất nước Nặm Cắt, P. Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn				2,000									

Phụ lục 15: NGUỒN NHÂN LỰC TẠI VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BCH PCTT CÁC CẤP

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

TT	Tỉnh	Dưới đại học	Trình độ Đại học	Trên Đại học		Tổng	Kinh nghiệm trên 10 năm	Kinh nghiệm 5-10 năm	Ghi chú
				ĐT trong nước	ĐT nước ngoài				
I. CẤP TỈNH									
1	**Vp tỉnh Bắc Kạn**	-	4	1		**5**	2	3	
II. CẤP HUYỆN						-			
1	Huyện Ba Bể		4	1		5	1		
2	Huyện Bạch Thông	-	3	2		5	1	1	
3	Huyện Chợ Đồn		4	1		5	2	2	
4	Huyện Chợ Mới	-	4	2		6	1	5	
5	Huyện Na Rì	-	5	1		6	1	5	
6	Huyện Ngân Sơn	-	4	1		5	4	1	
7	Huyện Pác Nặm	1	5	-	-	6		6	
8	Thành phố Bắc Kạn		3	3		6		6	
	Tổng	**1**	**36**	**12**	**-**	**49**	**11**	**28**	**-**

PHỤ LỤC 16 : CÁC TRẬN LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT LỚN ĐÃ XẢY RA TỪ 2016 ĐẾN 2020

Kèm theo Văn bản số /SNN-CCTL ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

1. Thông tin về các trận lũ quét, sạt lở đất đã xãy ra từ năm 2016 đến 2020:

TT	Thời gian xảy ra	Địa điểm	Loại hình	Nguyên nhân	Thiệt hại về người		Thiệt hại về kinh tế (triệu đồng)		Nguy cơ
					chết	bị thương		Ảnh hưởng đến cuộc sống người dân và phát triển KTXH	Xảy ra tiếp
1	**Năm 2016**								
	sạt lở các tuyến đường giao thông	Các tuyến đường tỉnh lộ, quốc lộ: 7 vụ sạt lở tổng số 131,000 m3 đất đá	Sạt lở taluy các tuyến đường giao thông	Mưa lớn	0	0	11,219	ảnh hưởng	có
2	**Năm 2017**								
	14-15/5	Chợ Đồn; Bạch Thông; Chợ Mới	Lũ , lũ quét	mưa to			8,700		
	10-12/7	Chợ Mới, Bạch Thông, Ngân Sơn, Pác Nặm	Lũ , lũ quét	mưa to	0	0	5,000	ảnh hưởng	có
	13/8	Ngân Sơn	Sạt lở đất	mưa to	1	1			
	Ngày24- 31/8	Chợ Mới, Chợ Đồn, Bạch Thông, Thành Phố	Lũ , lũ quét	mưa lớn do ảnh hưởng của Bão số 6	0	1	25,883	ảnh hưởng	có
	12/9-20/9	Bạch Thông; Chợ đồn	Lũ , lũ quét sạt lở đường giao thông	mưa lớn	1		11,000		
	sạt lở các tuyến đường giao thông	Các tuyến đường tỉnh lộ, quốc lộ: 6vụ sạt lở tổng số 616.468 m3 đất đá	Sạt lở taluy các tuyến đường giao thông	Mưa lớn	0	0	53,468	ảnh hưởng	có
3	**Năm 2018**								
	10/5/2018	Sáu hai- Nông Hạ, Chợ Mới	Lũ , lũ quét	Mưa lớn	1		4,383		
	14/8/2018	huyện Chợ Mới	Lũ , lũ quét	Mưa lớn			1,933		
		huyện Chợ Đồn	Lũ , lũ quét	Mưa lớn			500		